TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HS-ST
Ngày: 16-5-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Nghiêm.

2. Ông Lý Hoàng Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2024/TLST-HS ngày 17/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HS ngày 04/5/2024, đối với bị cáo:

Bùi Văn S (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam, sinh ngày 10/8/1988, tại thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do;Trình độ học vấn: 04/12. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng. Nơi tạm trú và chỗ ở: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Con ông: Bùi Văn T, sinh năm 1957; con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không có. Bị can bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 15/12/2023 đến ngày 22/12/2023, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1969, thường trú tại khu C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Luân Thị H2, sinh năm 1987, thường trú tại khu C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Đặng Thị A, sinh năm 1978, thường trú tại khu C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Bà Hoàng Thanh V, sinh năm 1978, thường trú tại khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 02/2022 đến tháng 11/2023, Bùi Văn S có hành vi cho một số người trên địa bàn huyện H, tỉnh Lạng Sơn vay tiền lãi suất cao dưới hình thức bát họ, một bát họ quy định là 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, cắt trước số tiền lãi là 2.000.000 đồng, số tiền người vay thực nhận từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả số tiền 250.000 đồng đến 300.000 đồng tiền gốc; trường hợp chưa thanh toán được mà muốn vay tiếp thì S có thể cho người vay đáo bát và vay bát mới, S vẫn cắt trước tiền lãi, đồng thời trừ số tiền người vay chưa thanh toán của bát vay cũ và đưa số tiền còn lại cho người vay. Với lãi suất mà Bùi Văn S cho vay từ 4.166 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng lãi suất 152% đến 182,5 %/năm. Cơ quan điều tra xác định Bùi Văn S đã có hành vi cho 04 người vay tiền lãi suất cao. Kết quả điều tra và tại phiên tòa làm rõ:

1. Bùi Văn S cho Hoàng Văn H1 vay 02 lần, cụ thể

- Lần 01: Ngày 13/7/2022, Bùi Văn S cho H1 vay 01 bát họ là 10.000.000 đồng, cắt lãi trước 2.000.000 đồng; ngày 12/8/2022, H1 trả được 7.500.000 đồng tiền gốc, còn nợ 2.500.000 đồng. Tiền lãi hợp pháp mà S được hưởng là 10.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 30 ngày = 164.383 đồng; số tiền lãi bất hợp pháp là (2.000.000 đồng - 164.383 đồng) = 1.835.617 đồng.

Do không trả được hết tiền gốc, cứ sau khoảng 30 ngày H1 lại xin đáo bát 01 lần. Tính đến ngày 05/12/2023, S đã cho H1 đáo bát họ 17 lần, tổng số tiền lãi đã thu là 34.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp mà S được hưởng là 164.383 đồng x 17 = 2.794.511 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là (34.000.000 đồng - 2.794.511 đồng) = 31.205.489 đồng.

Đối với bát họ sau cùng ngày 05/12/2023, H1 đã trả được 2.500.000 đồng, còn nợ 7.500.000 đồng, như vậy số tiền lãi hợp pháp mà S được hưởng là 10.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 40 ngày = 219.178 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là (2.000.000 đồng - 219.178 đồng) = 1.780.821 đồng.

- Lần 02: Ngày 29/11/2022, S cho H1 vay 01 bát họ 10.000.000 đồng, cắt lãi trước 2.000.000 đồng; ngày 29/12/2022, H1 trả được 7.500.000 đồng tiền gốc, còn nợ 2.500.000 đồng. Tiền lãi hợp pháp mà S được hưởng là 10.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 30 ngày = 164.383 đồng; số tiền lãi bất hợp pháp là (2.000.000 đồng - 164.383 đồng) = 1.835.617 đồng. Do không trả được hết tiền gốc, cứ sau 30 ngày H1 lại xin đáo bát, đến ngày 12/12/2023, H1 đã đáo bát họ 12 lần, tổng số tiền lãi đã thu là 24.000.000 đồng, số lãi hợp pháp mà S được hưởng là 164.383 đồng x 12 =1.972.596 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là (24.000.000 đồng - 1.972.596 đồng) = 22.027.404 đồng.

Đối với bát họ 12/12/2023, H1 đã trả được 750.000 đồng, còn nợ 9.250.000 đồng, như vậy số tiền lãi hợp pháp mà S được hưởng là 10.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 40 ngày = 219.178 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là (2.000.000 đồng - 219.178 đồng) =1.780.822 đồng.

Tổng số tiền gốc Bùi Văn S cho Hoàng Văn H1 vay là 310.000.000 đồng, thu lãi 62.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 5.205.464 đồng, thu lợi bất chính là (31.205.489 đồng + 1.780.821 đồng + 22.027.404 đồng + 1.780.822 đồng) = 56.794.536 đồng.

2. Bùi Văn S cho Luân Thị H2 vay 06 lần vào các ngày 30/3/2023, 09/5/2023, 18/6/2023, 28/7/2023, 06/9/2023 và 29/11/2023; mỗi lần H2 vay 01 bát họ là 12.000.000 đồng, cắt lãi trước 2.000.000 đồng. Tiền lãi hợp pháp mà S được hưởng là 12.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 40 ngày x 06 lần = 1.578.078 đồng; số tiền lãi bất hợp pháp là (2.000.000 đồng - 263.013 đồng) x 06 lần = 10.421.922 đồng. Luân Thị H2 đều đã trả xong tiền gốc đối với 05 lần vay đầu, đối với lần vay tiền ngày 29/11/2023, ngày 15/12/2023, H2 trả được 4.800.000 đồng tiền gốc, còn nợ 7.200.000 đồng.

Tổng số tiền Bùi Văn S cho Luân Thị H2 vay là 12.000.000 x 06 = 72.000.000 đồng; thu lãi 12.000.000 đồng; trong đó, lãi hợp pháp là 1.578.078 đồng, thu lợi bất chính là 10.421.922 đồng.

3. Bùi Văn S cho Đặng Thị A vay 03 lần; cụ thể:

- Lần 01: Ngày 14/8/2023, S cho A vay 01 bát họ là 10.000.000 đồng, cắt lãi trước 2.000.000 đồng, ngày 24/9/2023, A trả trả xong tiền gốc. Tiền lãi hợp pháp mà S được hưởng là 10.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 40 ngày = 219.178 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là (2.000.000 đồng - 219.178 đồng) =1.780.821 đồng.

- Lần 02: Ngày 24/9/2023, S cho A vay 02 bát họ là 20.000.000 đồng, cắt lãi trước 4.000.000 đồng; ngày 04/11/2023, A trả trả xong tiền gốc. Tiền lãi hợp pháp mà S được hưởng là 20.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 40 ngày = 438.356 đồng; số tiền lãi bất hợp pháp là (4.000.000 đồng - 438.356 đồng) = 3.561.644 đồng.

- Lần 03: Ngày 04/11/2023, S cho A vay 01 bát họ là 10.000.000 đồng, cắt lãi trước 2.000.000 đồng, A trả trả xong tiền gốc. Tiền lãi hợp pháp mà S được hưởng là 10.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 40 ngày = 219.178 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là (2.000.000 đồng - 219.178 đồng) =1.780.821 đồng.

Tổng số tiền Bùi Văn S cho Đặng Thị A vay là 40.000.000 đồng, thu lãi 8.000.000 đồng; trong đó lãi hợp pháp 876.714 đồng; thu lợi bất chính khi là (1.780.821 đồng + 3.561.644 đồng + 1.780.821 đồng) = 7.123.286 đồng.

4. Bùi Văn S cho Hoàng Thanh V vay 03 lần vào các ngày 07/9/2023 (ngày 17/10/2023 trả xong tiền gốc), 17/10/2023 (ngày 16/11/2023 trả xong tiền gốc) và 16/11/2023; mỗi lần vay 2,5 bát họ là 25.000.000 đồng, cắt lãi trước 5.000.000 đồng. Tiền lãi hợp pháp mà S được hưởng là 25.000.000 đồng x 20% : 365 ngày

x 40 ngày x 3 lần = 1.643.844 đồng; số tiền lãi bất hợp pháp là (5.000.000 đồng - 547.948 đồng) x 03 lần = 13.356.156 đồng. Đối với lần vay thứ ba; ngày 15/12/2023, V trả được 9.500.000 đồng tiền gốc, còn nợ 15.500.000 đồng.

Tổng số tiền Bùi Văn S cho Hoàng Thanh V vay là 25.000.000 đồng x 3 = 75.000.000 đồng, thu lãi 15.000.000 đồng; trong đó, lãi hợp pháp là 1.643.844 đồng, thu lợi bất chính khi 13.356.156 đồng.

Tổng số tiền lãi Bùi Văn S đã thu là 97.000.000 đồng; trong đó lãi hợp pháp là 9.304.100 đồng và thu lợi bất chính 56.794.536 đồng + 10.421.922 đồng + 7.123.286 đồng + 13.356.156 đồng = 87.695.900 đồng.

Quá trình điều tra, bị can Bùi Văn S đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân; lời khai của bị can phù hợp với lời khai của những người liên quan và các tài liệu, chứng cứ của vụ án.

Tại bản cáo trạng số 44/CT-VKSLS-P1 ngày 16/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố Bùi Văn S về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, yêu cầu người vay phải chịu trách nhiệm trả lại số tiền nợ gốc; trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn phát biểu lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 36, 50 Bộ luật Hình sự, Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, tuyên Bùi Văn S phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 20 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 15/12/2023 đến ngày 22/12/2023, không khấu trừ thu nhập. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử vụ án hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên trả lại cho những người vay toàn bộ số tiền 87.695.900 đồng bị can Bùi Văn S đã thu lợi bất chính.

- Tuyên tịch thu xung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền (gốc) 497.000.000 đồng do Bùi Văn S sử dụng để cho vay, trong đó: Tổng số tiền S phải nộp 457.550.000 đồng, Hoàng Văn H1 nộp 16.750.000 đồng, Luân Thị H2 nộp 7.200.000 đồng, Hoàng Thanh V nộp 15.500.000 đồng.

- Tuyên tịch thu xung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền lãi tương ứng mức cao nhất theo quy định mà bị cáo Bùi Văn S được hưởng là 9.304.100 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, đối đáp. Lời nói sau cùng của bị cáo thể hiện sự ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương và cam kết tuân thủ đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt không gây trở ngại đến việc xét xử; mặt khác những người này cũng đã có lời khai, yêu cầu đề nghị của họ tại Cơ quan điều tra và được công bố lời khai tại phiên tòa. Việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người liên quan, đồng thời hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập hợp pháp và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định, trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2022 đến tháng 11 năm 2023, Bùi Văn S đã cho 04 người vay tiền dưới hình thức vay "*Bát họ*", mỗi bát Bùi Văn S cho vay số tiền 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày và cắt trước số tiền lãi là 2.000.000 đồng, số tiền người vay thực nhận từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả số tiền 250.000 đồng đến 300.000 đồng tiền gốc; trường hợp chưa thanh toán được mà muốn vay tiếp thì S có thể cho người vay đáo bát và vay bát mới, S vẫn cắt trước tiền lãi, đồng thời trừ số tiền người vay chưa thanh toán của bát vay cũ và đưa số tiền còn lại cho người vay. Mức lãi suất mà Bùi Văn S cho vay từ 4.166 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng lãi suất 152% đến 182,5 %/năm. Tổng số tiền gốc cho vay là 497.000.000 đồng; tổng số tiền lãi thu được là 97.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 9.304.100 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 87.695.900 đồng.

[4] Hành vi của Bùi Văn S đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nợ nần chồng chất, gây nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có

đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích hám lợi nên vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Đảm bảo căn cứ chứng minh bị cáo đã phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[5] Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì cần phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các yếu tố khác có liên quan của bị cáo để xem xét, quyết định hình phạt:

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện thái độ thực sự ăn năn hối cải; bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Hình phạt chính: Bị cáo lần đầu phạm tội với tính chất mức độ thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, trong khi không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy việc xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ, ấn định thời gian gần mức khởi điểm của khung hình phạt đã đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Do bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định nên miễn thực hiện khấu trừ thu nhập.

[10] Hình phạt bổ sung: Biên bản xác minh và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thể hiện bị cáo có tài sản riêng, cụ thể thửa đất số 87-02 tờ bản đồ Ng.S-302590-3-(10), diện tích 197,34m^2 có địa chỉ tại tổ A, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 174984 ngày 22/3/2010 mang tên ông Bùi Văn S; nên đảm bảo căn cứ áp dụng hình phạt tiền bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo bị cáo trình bày, nguồn gốc tài sản là của bố mẹ bị cáo, do có mâu thuẫn gia đình bị cáo đã bỏ nhà đi từ lâu, không còn liên lạc với người nhà nên bản thân bị cáo không biết mình có tài sản trên do được bố mẹ phân chia và hiện chưa được sử dụng. Do bị cáp phạm tội nhằm mục đích thu lời bất chính và xác định có tài sản riêng, trên cơ sở xem xét điệu kiện hoàn cảnh của bị cáo, Hội đồng xét xử ấn định mức phạt tiền bằng mức khởi điểm theo quy định của khung hình phạt.

[11] Căn cứ theo hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp

dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cần áp dụng các biện pháp tư pháp và xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm, cụ thể như sau:

[12] Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền gốc 497.000.000 đồng bị cáo dùng để cho vay; trong đó, số tiền Nguyễn Văn S1 phải nộp 457.550.000 đồng, Hoàng Văn H1 phải nộp 16.750.000 đồng, Luân Thị H2 phải nộp 7.200.000 đồng, Hoàng Thanh V phải nộp 15.500.000 đồng và số tiền lãi 9.304.100 đồng tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự) mà bị cáo đã thu của những người vay do hai khoản tiền trên đều là công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm.

[13] Buộc bị cáo có nghĩa vụ, trách nhiệm hoàn trả lại tổng số tiền lãi thu lợi bất chính 87.695.900 đồng cho 04 người vay tiền;

[14] Việc cơ quan truy tố đính chính số liệu do sai sót trong cáo trạng tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu đã thu thập và tình tiết khách quan của vụ án. Đề nghị luận tội và các căn cứ áp dụng, xử lý các vấn đề liên quan của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phù hợp với các nhận định nêu trên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Bị cáo là người bị kết án, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[16] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan theo quy định Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; các điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tội danh.

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn S phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Hình phạt.

2.1. Xử phạt bị cáo Bùi Văn S 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi được trừ 08 ngày tạm giữ tương đương 24 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường N, quận K, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo đăng ký hộ khẩu thường trú thực hiện việc giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị phạt cải tạo không giam giữ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú trong việc giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Bùi Văn S.

2.2. Phạt bổ sung bị cáo Bùi Văn S số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Các biện pháp tư pháp.

3.1. Truy thu số tiền 497.000.000đ (bốn trăm chín mươi bảy triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước, trong đó:

- Truy thu đối với bị cáo Bùi Văn S số tiền 457.550.000đ (bốn trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Truy thu đối với ông Hoàng Văn H1 số tiền 16.750.000đ (mười sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Truy thu đối với bà Luân Thị H2 số tiền 7.200.000đ (bảy triệu, hai trăm nghìn đồng).

- Truy thu đối với bà Hoàng Thanh V số tiền 15.500.000đ (mười lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

3.2. Truy thu số tiền 9.304.000đ (chín triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn đồng - đã làm tròn) của bị cáo Bùi Văn S để nộp ngân sách Nhà nước.

3.3. Buộc bị cáo Bùi Văn S thực hiện nghĩa vụ thanh toán, hoàn trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, gồm: Ông Hoàng Văn H1 số tiền 56.795.000đ (năm mươi sáu triệu bảy trăm chín lăm nghìn - đã làm tròn), bà Luân Thị H2 số tiền 10.422.000đ (mười triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn - đã làm tròn), bà Đặng Thị A số tiền 7.123.000đ (bảy triệu một trăm hai mươi ba nghìn đồng - đã làm tròn) và bà Hoàng Thanh V số tiền 13.356.000đ (mười ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng-đã làm tròn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà người được thi hành án có đơn

yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không chịu trả hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Án phí.

Buộc bị cáo Bùi Văn S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHS công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Cường